

Bản án số: 06/2022/HN-ST

Ngày: 16-02-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Công Đức**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Văn Phụng**

2. Bà **Nguyễn Thị Ly**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Triệu Thị Yên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.*

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 582/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Mai Thị Kim T**, sinh năm 2000 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn V**, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Mai Thị Kim T trình bày, chị và anh Trần Văn V quen biết và sống chung vào năm 2019, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và tiền bạc trong gia đình. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, chị T yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn V trình bày, thừa nhận thời gian kết hôn, không sống chung như vợ trình bày là đúng. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên gia đình anh và làm công nhân của Công ty giày An Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng ý kiến về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và có xô sát nhưng không gây thương tích nặng, gia đình có can ngăn nhưng không được. Nay vợ

xin ly hôn, anh không đồng ý và xin hàn gắn ở lại vì vẫn còn thương vợ.  
Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh V xác định vợ chồng không có.  
Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng hai bên vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.  
Tại phiên tòa, chị Nguyễn Mai Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Anh Trần Văn V đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Chị Nguyễn Mai Thị Kim T khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn V có nơi cư trú ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn V là có căn cứ

[2]- Về nội dung: Chị Nguyễn Mai Thị Kim T và anh Trần Văn V sống chung vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn theo qui định. Vợ chồng sống đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau và xảy ra xô sát, gia đình có can ngăn nhưng không được. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, chị T xin ly hôn, anh V không đồng ý vì vẫn còn thương vợ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh V kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện và động viên vợ chồng hàn gắn ở lại, nhưng chị T vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn anh V. Trong khi đó, anh V cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn nhau và xảy ra xô sát và trong thời gian qua anh cũng không đến thăm và hàn gắn với vợ mặc dù vợ chồng làm chung công ty. Điều này chứng tỏ tình cảm của chị T đối với anh V không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của chị T phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Chị T, anh V xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.2]- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]- Về nợ chung: Chị T, anh V xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Mai Thị Kim T** xin ly hôn anh **Trần Văn V**.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 124 của Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận chị T, anh V xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị T, anh V vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Mai Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009883 ngày 17/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa An;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Đức**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Đức**